neb

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC THUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 732 /TCT - DNNCN V/v hồ sơ đối với hộ, cá nhân kinh doanh ngừng/nghỉ kinh doanh.	*Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2019*

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk

Trả lời công văn số 3641/CT-THNVDT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk báo cáo và xin ý kiến về hồ sơ xin ngừng/nghỉ kinh doanh của hộ, cá nhân kinh doanh, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại Điều 76 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định:

"1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh từ 30 ngày trở lên, hộ kinh doanh phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Thời gian tạm ngừng kinh doanh không được quá 01 năm.

2. Hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh gửi thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đã đăng ký ít nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ sau khi tiếp nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh cho hộ kinh doanh."

- Tại Điều 14 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi Điểm đ, khoản 1, Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn như sau:

"...

đ.1) Đối với người nộp thuế thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc hoạt động kinh doanh trở lại với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi người nộp thuế đã đăng ký theo quy định.

Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế biết về thông tin người nộp thuế tạm ngừng kinh doanh hoặc hoạt động kinh doanh trở lại chậm nhất không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế đăng ký tạm ngừng kinh doanh, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh

về nghĩa vụ thuế còn nợ với ngân sách nhà nước của người nộp thuế chậm nhất không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin từ cơ quan đăng ký kinh doanh.

..."

- Tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế:

"1. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn ghi trong thông báo phải có thông báo bằng văn bản mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và cơ quan cấp Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn.

Trường hợp hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh thì thời hạn gửi thông báo tạm ngừng kinh doanh đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước khi tạm ngừng kinh doanh."

- Tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về trách nhiệm của cơ quan Đăng ký kinh doanh:

"2. Cơ quan Đăng ký kinh doanh hướng dẫn hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh có đăng ký kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh với cơ quan thuế theo quy định tại Thông tư này."

- Tại Khoản 3 Điều 30 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

"3.... Bãi bỏ nội dung "cá nhân nộp thuế khoán ngừng/nghỉ kinh doanh thì thông báo ngừng/nghỉ kinh doanh đến cơ quan thuế chậm nhất là một ngày trước khi ngừng/nghỉ kinh doanh" quy định tại Điểm 11.a Điều 6 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính ..."

Căn cứ quy định và các hướng dẫn nêu trên thì chỉ hướng dẫn hộ,cá nhân kinh doanh khi ngừng/nghỉ phải gửi thông báo đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh. Sau đó, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế biết về thông tin hộ, cá nhân kinh doanh ngừng/nghỉ kinh doanh chậm nhất là hai (02) ngày kể từ ngày nhận được thông báo ngừng/nghỉ của hộ, cá nhân kinh doanh. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế đã có công văn hướng dẫn về việc triển khai và giới thiệu các nội dung mới của Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính về đăng ký thuế *(CV 3706/TCT-KK ngày 17/8/2016 đính kèm)*.

Về đề xuất của Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk, Tổng cục Thuế sẽ nghiên cứu khi sửa đổi Thông tư số 95/2016/TT-BTC và Quy trình 2371/QĐ-TCT đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và cải cách thủ tục hành chính.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ Pháp chế;
- Website Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT, DNNCN.

TL.TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ QLT DNNVV VÀ HKD, CN
PHÓ VỤ TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

Tạ Thị Phương Lan

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

Số: 3706 /TCT-KK
V/v triển khai và giới thiệu các nội dung mới của Thông tư số 95/2016/TT-BTC về đăng ký thuế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác quản lý đăng ký, cấp mã số thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký thuế thông qua việc giảm bớt thủ tục, giảm bớt các chỉ tiêu không cần thiết trên mẫu biểu tờ khai đăng ký thuế; đồng thời giải quyết các vướng mắc của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện đăng ký thuế, ngày 28/06/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 95/2016/TT-BTC thay thế Thông tư 80/2012/TT-BTC ngày 22/5/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 12/8/2016.

Để tạo thuận lợi và thống nhất khi triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Thông tư vào thực tế, Tổng cục Thuế đề nghị các Cục Thuế thực hiện các nội dung sau:

I. Các nội dung cần triển khai Thông tư hướng dẫn về đăng ký thuế

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ các nội dung của Thông tư tới các bộ phận, từng cán bộ có liên quan và tuyên truyền tới người nộp thuế trên địa bàn quản lý các nội dung mới của Thông tư số 95/2016/TT-BTC hướng dẫn về đăng ký thuế theo phụ lục ban hành kèm theo công văn.

2. Công bố công khai các mẫu tờ khai đăng ký thuế và hướng dẫn kê khai tờ khai đăng ký thuế tại bộ phận 1 cửa và trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế để người nộp thuế biết và thực hiện.

3. Kịp thời giải đáp các vướng mắc của người nộp thuế đối với các nội dung được quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC, giải thích hướng dẫn người nộp thuế kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai đăng ký thuế và hồ sơ, thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và khôi phục mã số thuế khi người nộp thuế đề nghị.

II. Kế hoạch nâng cấp Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng quy định của Thông tư

1. Giai đoạn 1 (triển khai trong tháng 10 năm 2016):

- Nâng cấp các mẫu Thông báo gửi cho người nộp thuế: Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế, Giấy chứng nhận đăng ký thuế cá nhân, Thông báo mã số thuế của người phụ thuộc, Thông báo danh sách mã số thuế của cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập, Thông báo danh sách mã số thuế của người phụ thuộc đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập,...

- Đổi tên trạng thái 03, lý do 09 "bỏ trốn, mất tích" thành "NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06)".

2. Giai đoạn 2 (Triển khai trong quý 1/2017): Nâng cấp các nội dung còn lại của Thông tư số 95/2016/TT-BTC.

III. Một số công việc chuyển tiếp

1. Trong thời gian chưa nâng cấp Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để đáp ứng quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC, khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định mới, cơ quan thuế thực hiện nhập vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế theo mẫu cũ.

2. Về sử dụng mẫu Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho tổ chức và cá nhân:

Trong thời gian Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế chưa nâng cấp đáp ứng quy định của Thông tư số 95/2016/TT-BTC, Tổng cục Thuế tiếp tục thực hiện in Giấy chứng nhận đăng ký thuế (mẫu số 10-MST) ban hành kèm theo Thông tư 80/2012/TT-BTC và cấp phát cho cơ quan thuế các cấp sử dụng. Cơ quan thuế được tiếp tục sử dụng mẫu Giấy chứng nhận đăng ký thuế do Tổng cục Thuế cấp phát để in trên máy tính và cấp cho người nộp thuế khi thực hiện đăng ký thuế theo quy định.

3. Về công khai thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế đối với người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và người nộp thuế khôi phục mã số thuế theo quy định tại điểm 1c, điểm 1d Điều 29 Thông tư số 95/2016/TT-BTC:

Cơ quan thuế sau khi ban hành các Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (mẫu số 16/TB-ĐKT) và Thông báo khôi phục mã số thuế (mẫu số 19/TB-ĐKT) theo quy định của Thông tư số 95/2016/TT-BTC tiếp tục gửi Thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế các cấp để biết cho đến khi ứng dụng tin học được nâng cấp đáp ứng quy định công khai thông tin của Thông tư số 95/2016/TT-BTC.

4. Đối với hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị trực thuộc; hồ sơ đăng ký thuế của người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh (đơn vị chủ quản) và nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí (đơn vị trực thuộc):

Thông tư số 95/2016/TT-BTC quy định đơn vị trực thuộc chỉ nộp hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan thuế nơi đơn vị trực thuộc đóng trụ sở, đơn vị chủ quản không phải kê khai với cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản như quy định trước đây. Trong thời gian Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế chưa nâng cấp đáp ứng quy định này thì cơ quan thuế nơi đơn vị trực thuộc đóng trụ sở và cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản thực hiện đăng ký thuế và cấp mã số thuế cho đơn vị trực thuộc như sau:

Bước 1: Cơ quan thuế (bộ phận đăng ký thuế) nơi đơn vị trực thuộc đóng trụ sở khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế theo quy định tại thông tư số 95/2016/TT-BTC thực hiện scan tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT của đơn vị trực thuộc và gửi thông tin cho cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản qua địa chỉ thư điện tử của phòng kê khai và kế toán thuế.

Bước 2: Cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản khi nhận được tờ khai 02-ĐK-TCT của cơ quan thuế có đơn vị trực thuộc qua thư điện tử, nhập thông tin của đơn vị trực thuộc vào mẫu thông báo 07-MST trên hệ thống quản lý thuế tập trung (Hệ thống TMS) để hệ thống TMS cập nhật vào Bảng kê các đơn vị trực thuộc và tạo mã số thuế 13 số cho đơn vị trực thuộc. Cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản lập Thông báo về danh sách MSDN/MST của các đơn vị trực thuộc (mẫu 03/Qtr-ĐKT) ban hành kèm theo quy trình đăng ký thuế, scan và gửi cho cơ quan thuế quản lý đơn vị trực thuộc qua địa chỉ thư điện tử, không gửi cho đơn vị chủ quản.

Bước 3: Cơ quan thuế quản lý đơn vị trực thuộc khi nhận được Thông báo về danh sách MSDN/MST của các đơn vị trực thuộc của cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản nhập thông tin đăng ký thuế trên tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT và mã số thuế của đơn vị trực thuộc vào Hệ thống TMS để cấp mã số thuế và trả kết quả đăng ký thuế cho đơn vị trực thuộc theo đúng thời gian quy định tại thông tư số 95/2016/TT-BTC.

5. Đối với hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế là cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và người phụ thuộc của cá nhân uỷ quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế:

Trong thời gian Hệ thống TMS, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chưa nâng cấp đáp ứng quy định của Thông tư số 95/2016/TT-BTC, cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập căn cứ vào hồ sơ đăng ký thuế (tờ khai đăng ký thuế tổng hợp cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thông qua cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 05-ĐK-TH-TCT, tờ khai đăng ký thuế tổng hợp cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thông qua cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 20-ĐK-TH-TCT) do cơ quan chi trả thu nhập gửi đến bằng giấy để cấp mã số thuế cho các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và người phụ thuộc của cá nhân có uỷ quyền, trả kết quả đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập theo quy định của Thông tư số 95/2016/TT-BTC.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Cục Thuế kịp thời tổng hợp, phản ánh về Tổng cục Thuế để được nghiên cứu giải quyết.

Tổng cục Thuế thông báo để các Cục thuế biết, thực hiện/.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục (để b/c);
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Lưu:VT, KK (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Đại Trí

TỔNG CỤC THUẾ

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo công văn số 3706 /TCT-KK ngày 17/8/2016 của Tổng cục Thuế)

1. Phạm vi điều chỉnh của Thông tư

Thông tư số 95/2016/TT-BTC quy định phạm vi điều chỉnh đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định về đăng ký doanh nghiệp của Luật doanh nghiệp. Trường hợp Luật doanh nghiệp không có quy định mà Luật quản lý thuế có quy định thì doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định của Thông tư này đảm bảo các quy định về đăng ký doanh nghiệp của Luật doanh nghiệp không bị chồng chéo với quy định về đăng ký thuế của Luật quản lý thuế và dễ tra cứu khi áp dụng.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC quy định phạm vi điều chỉnh đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp tại Điều 1 và các điều khoản quy định khác dẫn đến áp dụng không thống nhất.

2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản có liên quan và giải quyết vướng mắc khi triển khai thực hiện Thông tư 80/2012/TT-BTC

2.1. Về cấp mã số thuế cho chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp:

Để thực hiện cấp mã số cho đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) thống nhất giữa cơ quan thuế và cơ quan ĐKKD theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Thông tư số 95/2016/TT-BTC quy định cấp mã số thuế 13 số cho các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp (bao gồm cả trường hợp có phát sinh nghĩa vụ kê khai nộp thuế hoặc không phát sinh nghĩa vụ kê khai nộp thuế với cơ quan thuế), không cấp mã số thuế 13 số cho địa điểm kinh doanh mà sử dụng số thứ tự 5 số để cấp cho địa điểm kinh doanh.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC quy định chỉ cấp mã 13 số cho các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có phát sinh nghĩa vụ thuế kê khai, nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế. Các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không phát sinh nghĩa vụ thuế kê khai, nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì chỉ theo dõi trên bảng kê tương ứng (theo số thứ tự gồm 5 chữ số) và không cấp mã số thuế.

2.2. Về thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế (thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý) của doanh nghiệp:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC đã bổ sung hồ sơ, thủ tục cho doanh nghiệp khi thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý gửi đến

cơ quan thuế quản lý trực tiếp để đối chiếu nghĩa vụ thuế và hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế trước khi chuyển địa điểm cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC không có quy định này.

2.3. Về tạm ngừng kinh doanh:

a) Về hoàn thành nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp khi đăng ký tạm ngừng kinh doanh:

Để thống nhất quy định về hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp và Luật quản lý thuế, Thông tư số 95/2016/TT-BTC bỏ quy định trước khi tạm ngừng kinh doanh, tổ chức, cá nhân phải hoàn thành các nghĩa vụ thuế còn nợ với ngân sách nhà nước.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC quy định "Trước khi tạm ngừng kinh doanh, tổ chức, cá nhân phải hoàn thành các nghĩa vụ thuế còn nợ với ngân sách nhà nước".

b) Về thời gian của người nộp thuế gửi thông báo cho cơ quan thuế trước khi tạm ngừng kinh doanh:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC sửa quy định thời hạn người nộp thuế gửi thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn cho cơ quan thuế chậm nhất là 15 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn cho phù hợp với quy định của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Thông tư số 151/2014/TT-BTC. Đồng thời, bổ sung quy định hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh thì thời hạn gửi thông báo tạm ngừng kinh doanh đến cơ quan thuế chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước khi tạm ngừng kinh doanh cho phù hợp với quy định của Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC quy định thời hạn tổ chức, cá nhân tạm ngừng kinh doanh phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý chậm nhất là 05 (năm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc chậm nhất là 05 (năm) ngày trước ngày tạm ngừng tiếp theo.

2.4. Về chấm dứt hiệu lực mã số thuế:

a) Về trách nhiệm của doanh nghiệp/đơn vị chủ quản đối với đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp/đơn vị trực thuộc khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế (giải thể) doanh nghiệp/đơn vị chủ quản hoặc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện/đơn vị trực thuộc:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC bổ sung quy định người nộp thuế là đơn vị chủ quản chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì các đơn vị trực thuộc cũng bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định. Trường hợp đơn vị chủ quản có các đơn vị trực thuộc thì toàn bộ các đơn vị trực thuộc phải hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và Nghị định 78/2014/NĐ-CP.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC quy định:

Đơn vị chủ quản chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì tất cả các đơn vị trực thuộc sẽ bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Đơn vị chủ quản có trách nhiệm thông báo việc chấm dứt tồn tại của mình cho các đơn vị trực thuộc biết. Đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của mình trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đơn vị trực thuộc nhận được thông báo của đơn vị chủ quản về việc chấm dứt tồn tại.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc sau khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản, cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản phải thông báo ngay cho Cục thuế các tỉnh, thành phố có đơn vị trực thuộc về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản để các Cục thuế này kiểm tra việc thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của các đơn vị trực thuộc. Nếu đơn vị trực thuộc chưa chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì cơ quan thuế yêu cầu các đơn vị trực thuộc phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

Quy định này không yêu cầu trước khi đơn vị chủ quản có các đơn vị trực thuộc thì toàn bộ các đơn vị trực thuộc phải hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản.

b) Về hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC bổ sung vào hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế phải có văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của cơ quan Hải quan trong trường hợp đơn vị có hoạt động xuất, nhập khẩu để phù hợp với quy định của Luật quản lý thuế.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC chưa có quy định này.

c) Về thời gian người nộp thuế gửi hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC bổ sung thời hạn người nộp thuế gửi hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế như sau:

- Đối với doanh nghiệp: Việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp được cơ quan thuế thực hiện cùng với thời hạn cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp (giải thể) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh: Người nộp thuế có trách nhiệm gửi hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấm dứt hoạt động (đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh, trừ hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh) hoặc ngày kết thúc hợp đồng hoặc ngày chấm dứt hoạt động đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC chưa có quy định này.

2.5. Về khôi phục mã số thuế của doanh nghiệp:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC bổ sung quy định về khôi phục mã số thuế cho cả doanh nghiệp và tổ chức, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh để thống nhất với các quy định này để phù hợp với Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và quy trình đăng ký thuế ban hành kèm theo Quyết định số 329/QĐ-TCT ngày 27/3/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Trước đây: Thông tư số 80/2012/TT-BTC chưa có quy định này mà chỉ đang quy định tại Quyết định số 329/QĐ-TCT nhưng không đầy đủ các trường hợp khôi phục mã số thuế.

2.6. Về bán, tặng, cho, thừa kế doanh nghiệp:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC bỏ quy định riêng về bán doanh nghiệp, đồng thời bổ sung quy định về tặng, cho, thừa kế, bán doanh nghiệp thì mã số thuế của doanh nghiệp được giữ nguyên để phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC quy định mã số thuế của doanh nghiệp sau khi bán được giữ nguyên nhưng lại quy định doanh nghiệp mua phải làm thủ tục đăng ký thuế mới là chưa phù hợp vì trường hợp bán doanh nghiệp thì doanh nghiệp mua chỉ cần làm thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định. Đồng thời, Thông tư 80 chưa có quy định đối với trường hợp tặng, cho, thừa kế doanh nghiệp khi chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký thuế cho người nộp thuế:

3.1. Thủ tục đăng ký thuế đối với đơn vị trực thuộc:

Hiện nay, ứng dụng quản lý thuế của ngành thuế là ứng dụng tập trung trên toàn quốc, tận dụng ưu điểm này Thông tư 95/2016/TT-BTC đã đơn giản hóa thủ tục đăng ký thuế đối với đơn vị trực thuộc, quy định người nộp thuế chỉ cần đến cơ quan thuế nơi đơn vị trực thuộc đóng trụ sở để nộp hồ sơ đăng ký thuế thay vì phải thực hiện ở 2 cơ quan thuế theo 2 bước như Thông tư 80/2012/TT-BTC.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC quy định thủ tục đăng ký thuế đối với đơn vị trực thuộc như sau:

Bước 1: Đơn vị chủ quản kê khai vào Bảng kê đơn vị trực thuộc với cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị chủ quản để cơ quan thuế cấp mã số thuế 13 số cho đơn vị trực thuộc trước khi đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi đơn vị trực thuộc đóng trụ sở.

Bước 2: Đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi đơn vị trực thuộc đóng trụ sở (ghi sẵn mã số thuế 13 số do đơn vị chủ quản thông báo) để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế đối với đơn vị trực thuộc.

Quy định này sẽ khó khăn cho người nộp thuế khi vừa phải thực hiện thủ tục tại cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản, vừa phải thực hiện tại cơ quan thuế quản lý đơn vị trực thuộc, đồng thời cũng khó khăn cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong việc xác định thời điểm mã số thuế của đơn vị trực thuộc có hiệu lực.

3.2. Thủ tục đăng ký thuế đối với người nộp thuế có hoạt động vãng lai ở tỉnh khác:

Để đơn giản thủ tục hành chính trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đã được cấp mã số thuế khi phát sinh các hoạt động sản xuất kinh doanh mới hoặc mở rộng kinh doanh sang địa bàn tỉnh, thành phố khác nhưng không thành lập chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc thì phải đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi hoạt động kinh doanh vãng lai và đáp ứng quy định của Thông tư 156/2013/TT-BTC về việc người nộp thuế phải phân bổ số nộp ngân sách cho cơ sở sản xuất trực thuộc (bao gồm cả cơ sở gia công, lắp ráp) đóng trên địa bàn khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính, Thông tư 95/2016/TT-BTC đã quy định người nộp thuế được sử dụng mã số thuế đã cấp để kê khai, nộp thuế tại địa bàn có hoạt động vãng lai hoặc địa bàn có cơ sở sản xuất trực thuộc hoặc hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh có từ 2 (hai) địa điểm kinh doanh trở lên và mỗi địa điểm kinh doanh do một cơ quan thuế quản lý và không phải nộp hồ sơ đăng ký thuế với cơ quan thuế tại địa bàn nơi phát sinh hoạt động kinh doanh vãng lai.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC quy định khi phát sinh các trường hợp nêu trên người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi có hoạt động vãng lai.

3.3. Về hồ sơ đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh:

Thực hiện đơn giản các thủ tục hành chính đối với hộ kinh doanh, Thông tư 92/2015/TT-BTC đã quy định cơ quan thuế thực hiện cấp mã số thuế cho hộ kinh doanh căn cứ thông tin trên hồ sơ khai thuế. Vì vậy, Thông tư 95/2016/TT-BTC đã bổ sung các quy định để hướng dẫn thực hiện nội dung này cho thống nhất với quy định tại Thông tư 92/2015/TT-BTC.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC chỉ quy định hồ sơ đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh gửi trực tiếp cho cơ quan thuế, không có quy định đăng ký thuế trên hồ sơ khai thuế.

3.4. Về cấp thẻ mã số thuế cá nhân:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC quy định trường hợp cá nhân có hồ sơ đăng ký thuế gửi đến cơ quan thuế thì cơ quan thuế in Giấy chứng nhận đăng ký thuế cá nhân, trường hợp cá nhân uỷ quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế thì cơ quan thuế không in Giấy chứng nhận cho từng cá nhân mà Thông báo danh sách mã số thuế cho cơ quan chi trả thu nhập để cơ quan chi trả thu nhập thông báo mã số thuế cho từng cá nhân, đồng thời cá nhân có thể tự tra cứu mã số thuế của mình trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC quy định mỗi cá nhân đăng ký thuế sẽ được cấp thẻ mã số thuế cá nhân. Tuy nhiên, trên thực tế, cá nhân không có nhu cầu cấp thẻ mã số thuế cá nhân vì cá nhân có thể tra cứu mã số thuế của mình trên trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế nên đa số cá nhân không đến nhận thẻ, trong khi cơ quan thuế vẫn phải in Thẻ làm gây lãng phí về nhân lực và chi phí hành chính của cơ quan thuế.

4. Pháp lý hóa một số nội dung đã được triển khai trong thực tế:

4.1. Về tình hình hoạt động của người nộp thuế thông qua trạng thái mã số thuế:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC bổ sung danh mục trạng thái mã số thuế của người nộp thuế để thống nhất thông tin về doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23/2/2016 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ Tài chính và thực hiện công khai cho người nộp thuế, các tổ chức, cá nhân có liên quan biết vì trạng thái mã số thuế phản ánh tình hình hoạt động của người nộp thuế đang theo dõi tại cơ quan thuế.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC chưa có quy định này.

4.2. Về người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh):

Thông tư số 95/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung quy định người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký tại Thông tư 80/2012/TT-BTC và Quyết định 1006/QĐ-TCT cho phù hợp với thực tế quản lý thuế hiện nay.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC đã có quy định cơ quan thuế phải thực hiện khi người nộp thuế ngừng khai thuế, nộp thuế nhưng không khai báo với cơ quan thuế. Tuy nhiên, Thông tư 80/2012/TT-BTC chưa quy định đầy đủ các trường hợp để xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký như trường hợp cơ quan thuế gửi các văn bản do cơ quan thuế ban hành (Quyết định, Văn bản, Thông báo...) cho người nộp thuế qua đường bưu chính nhưng bưu điện trả lại do không có người nhận hoặc do địa chỉ không tồn tại hoặc trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có văn bản gửi cơ quan thuế thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký,...

Quyết định 1006/QĐ-TCT ngày 13/6/2006 của Tổng cục Thuế hướng dẫn Quy chế xác định, thông báo và xử lý về thuế đối với cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh nhưng chưa được pháp lý hoá và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định hiện hành.

4.3. Về đăng ký thuế của cá nhân và người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công có uỷ quyền cho cơ quan chi trả thu nhập:

Để đồng bộ với việc cơ quan chi trả thu nhập thực hiện kê khai, khấu trừ và quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, Thông tư số 95/2016/TT-BTC đã bổ sung quy định về việc cá nhân đăng ký thuế và đăng ký người phụ thuộc thông qua cơ quan chi trả thu nhập, đồng thời quy định hồ sơ, thủ tục cho các trường hợp này.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC không có quy định này.

4.4. Yêu cầu công khai thông tin đăng ký thuế:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC đã bổ sung quy định về công khai thông tin đăng ký thuế tại Thông tư để tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC chưa có quy định về việc công khai thông tin đăng ký thuế.

5. **Đáp ứng yêu cầu quản lý thuế phát sinh:**

5.1. Yêu cầu bổ sung quy định về mã số thuế trong trường hợp hộ kinh doanh có các cơ sở, cửa hàng kinh doanh đóng tại các địa bàn quận, huyện, thị xã hoặc tỉnh khác nhau:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC bổ sung quy định cấp mã số thuế 13 số cho các địa điểm kinh doanh của Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh trong trường hợp các địa điểm kinh doanh trên cùng địa bàn cấp huyện nhưng khác địa bàn cấp xã được cấp mã số thuế 13 số để đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế của cơ quan thuế.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC quy định hộ kinh doanh thực hiện đăng ký thuế được cấp một mã số thuế 10 số. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phát sinh hoạt động kinh doanh mới hoặc mở rộng sang địa bàn khác quận, huyện, thị xã nơi đã đăng ký mã số thuế thì sử dụng mã số thuế 10 số đã được cấp để khai, nộp thuế.

5.2. Yêu cầu bổ sung quy định về cấp mã số thuế nộp thay cho tổ chức được cơ quan thuế ủy nhiệm thu, tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân để kê khai, nộp thuế thay:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC bổ sung quy định cấp thêm một mã số nộp thay cho tổ chức được cơ quan thuế ủy nhiệm thu, tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân để kê khai, nộp thuế thay.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC chỉ mới quy định cấp mã số thuế nộp thay cho bên Việt Nam kê khai nộp hộ cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, chưa có quy định cấp mã số thuế nộp thay cho tổ chức được cơ quan thuế ủy nhiệm thu, tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, trong khi quản lý thuế cần theo dõi riêng nghĩa vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh và nghĩa vụ kê khai, nộp hộ.

5.3. Yêu cầu quản lý cấp mã số thuế và quản lý thuế đối với thương nhân của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu

Thông tư số 95/2016/TT-BTC bổ sung quy định hồ sơ, thủ tục về đăng ký thuế và cấp mã số thuế cho thương nhân hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 218/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách và quản lý thuế đối với thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC chưa có quy định này.

5.4. Yêu cầu quản lý rủi ro trong lĩnh vực đăng ký thuế:

Thông tư số 95/2016/TT-BTC bổ sung thêm một số thông tin trên mẫu tờ khai đăng ký thuế để xây dựng mối liên hệ, liên kết giữa các tổ chức kinh tế, mối quan hệ giữa tổ chức kinh doanh và cá nhân, chủ doanh nghiệp tư nhân đồng thời có hộ kinh doanh cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 204/2015/TT-BTC

ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế.

Trước đây: Thông tư 80/2012/TT-BTC chưa có quy định này.

6. Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác:

- Sửa đổi, bổ sung cấp mã số thuế cho nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí.

- Sửa đổi thời gian người nộp thuế thông báo thay đổi thông tin với cơ quan thuế đảm bảo thống nhất.

- Sửa đổi việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế của cơ quan thuế do Thông tư 80/2012/TT-BTC đang quy định chưa thống nhất.

- Bổ sung đối tượng áp dụng, gồm: Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả cá nhân của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu) theo quy định tại TT 218/2015/TT-BT; tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế uỷ nhiệm thu; người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế cho người phụ thuộc theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân; Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan, Chi cục Hải quan; Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Sửa đổi cấu trúc MST: Thêm dấu gạch ngang đối với MST 13 số để phù hợp với thực tế sử dụng ứng dụng hiện hành.

- Sửa đổi quy định về hai chữ số đầu N1N2 để phù hợp với cấu trúc mã số thuế đã cấp cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công vì mã số thuế này không phân khoảng theo tỉnh cấp mã.

7. Mẫu biểu đính kèm

a) Sửa đổi các mẫu 01-ĐK-TCT, 02-ĐK-TCT, 03-ĐK-TCT, 04-ĐK-TCT, 04.1-ĐK-TCT, 05-ĐK-TCT, 06-ĐK-TCT và các bảng kê đính kèm, 08-MST, 09-MST, 10-MST, 11-MST, 12-MST, 13-MST.

b) Bổ sung các mẫu 05-ĐK-TH-TCT, 14-MST, 15/BB-BKD, 16/TB-ĐKT, 17/TB-ĐKT, 18/TB-ĐKT, 19/TB-ĐKT, 20-ĐK-TCT, 20-ĐK-TH-TCT, 21-MST, 22-MST, 23/ĐK-TCT, 24/ĐK-TCT, 25/ĐK-TCT, 26/TB-ĐKT.

c) Bỏ mẫu Thông báo về việc lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện/Địa điểm kinh doanh (07-MST).